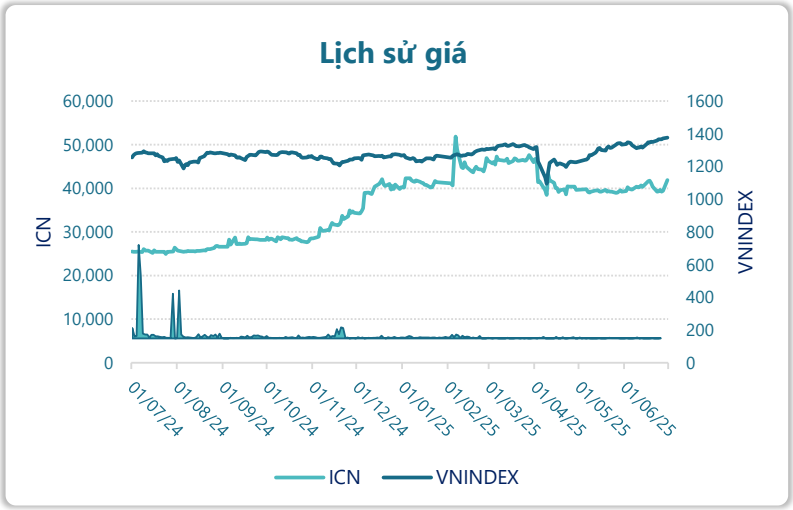
FireAnt

CTCP Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (UPCOM: ICN)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**64,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	51,846
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,935
SL cổ phiếu LH	20,399,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)	102,980
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,306
P/E	4.3
EPS	14,816

DT thuần

Q2/25

187

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.00| 3.3%

YoY: ▲ 5.00| 2.7%

LN sau thuế

Q2/25

84.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 26.3| 44.9%

YoY: ▲ 10.8| 14.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

56.7%

+/- YoY: ▲ 4.9%

DT thuần

6T 2025

368

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 138| 60.3%

LN sau thuế

6T 2025

144

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 60.1| 71.2%

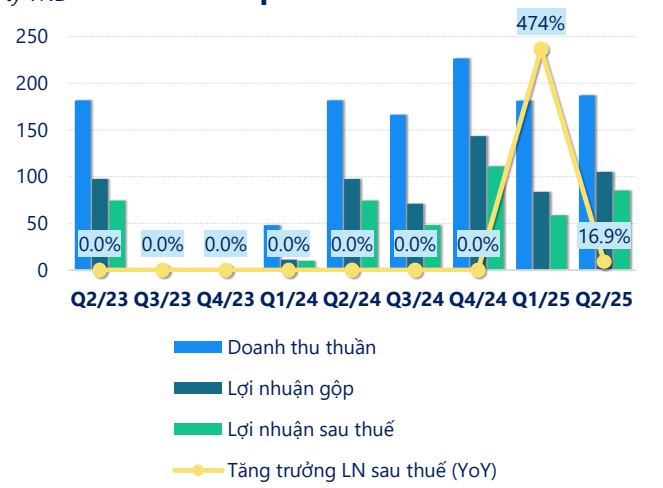
ROE

Q2/25

70.8%

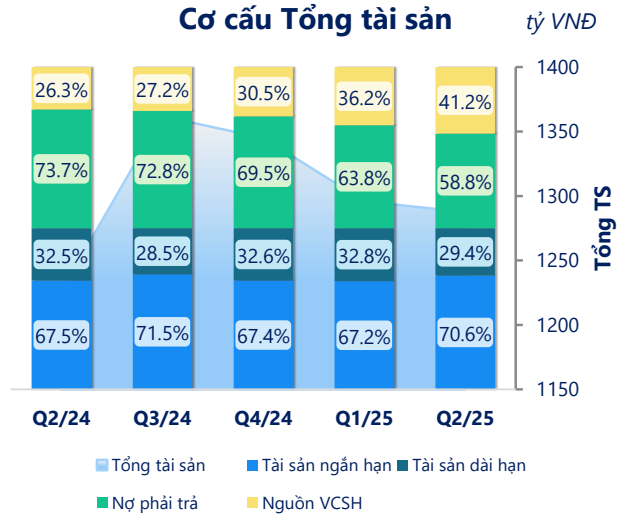
#VALUE!

Kết quả kinh doanh



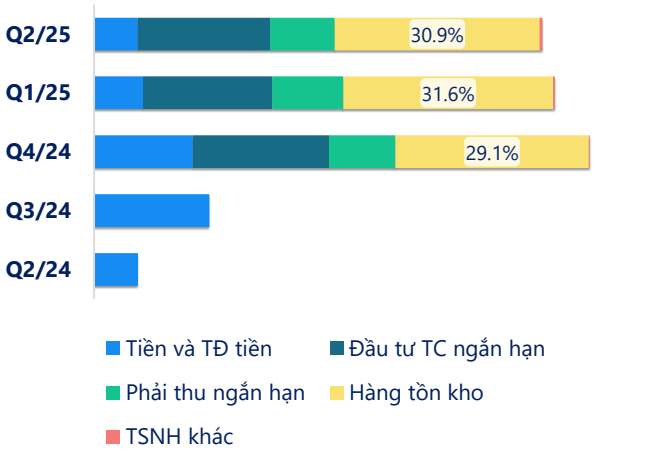
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



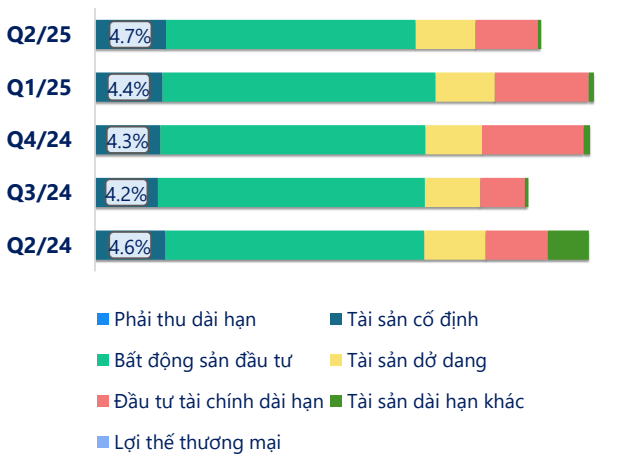
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



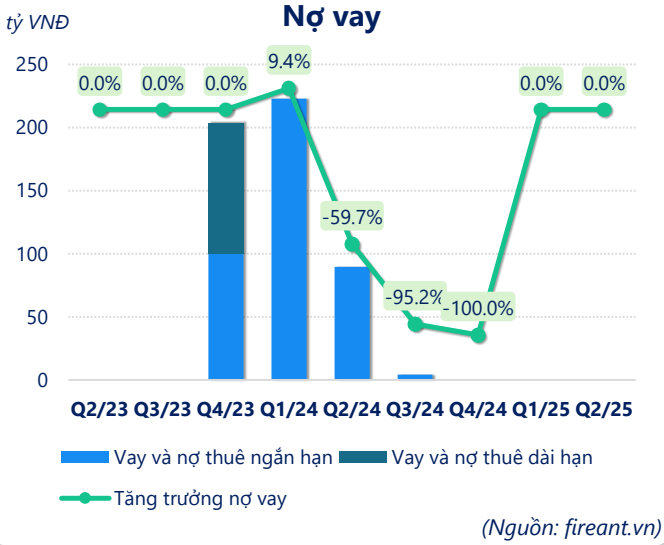
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



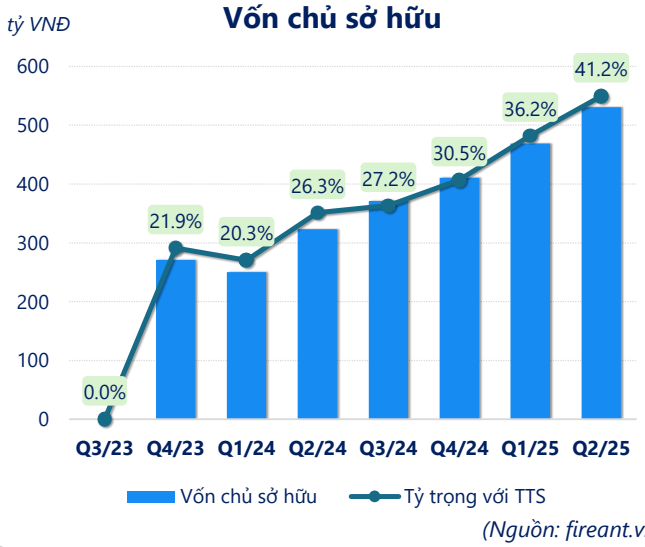
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



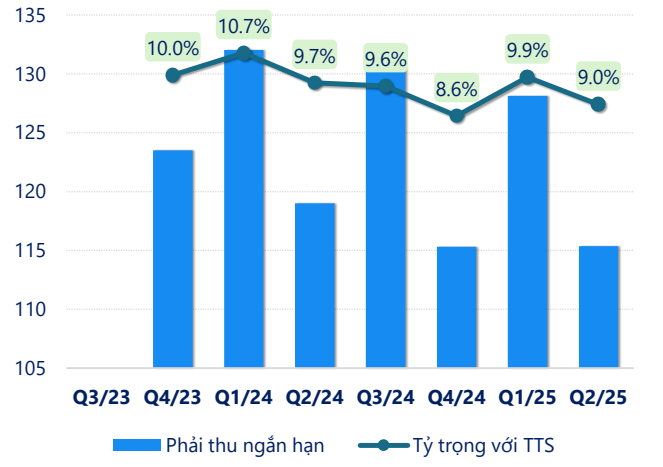
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



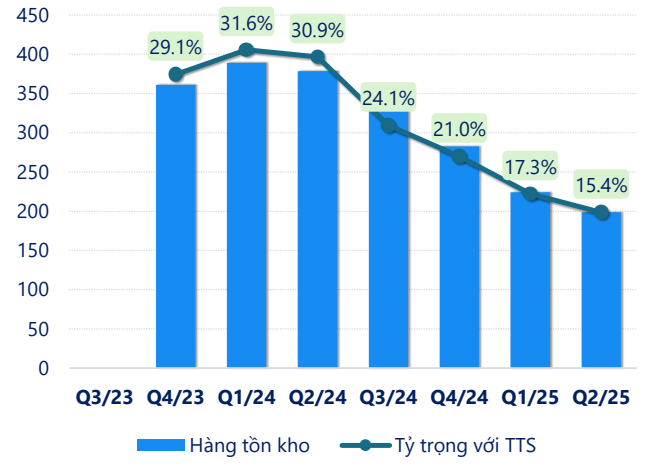
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



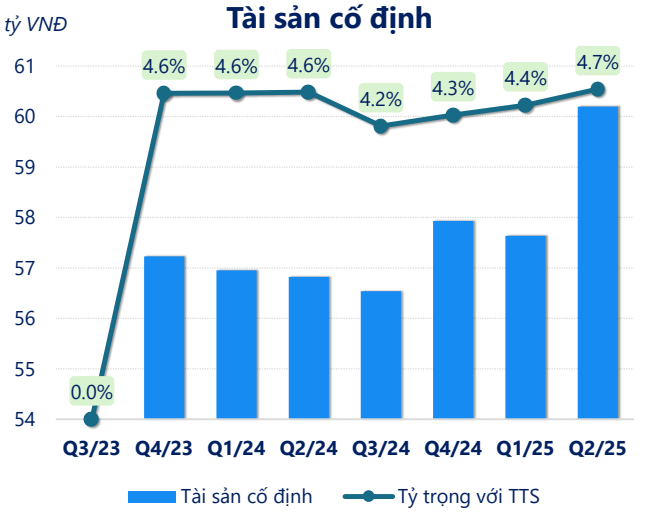
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



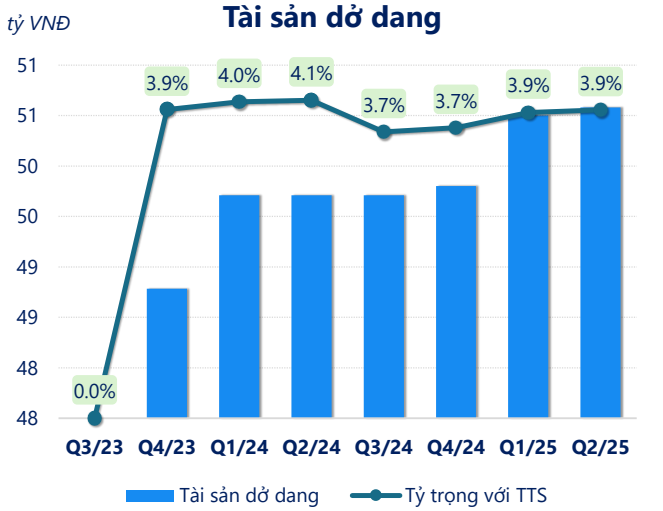
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



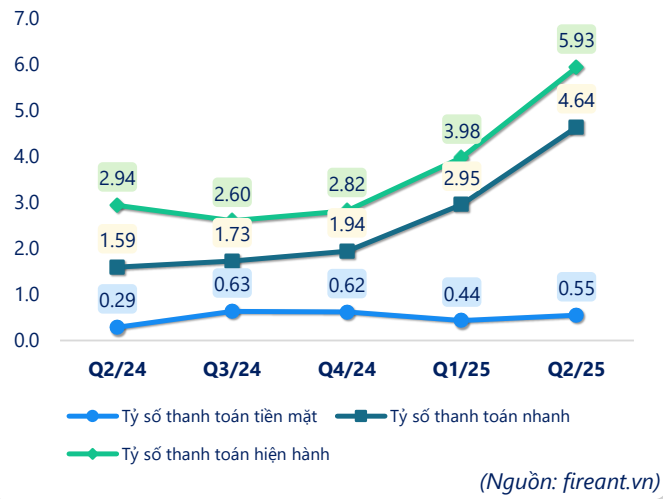
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



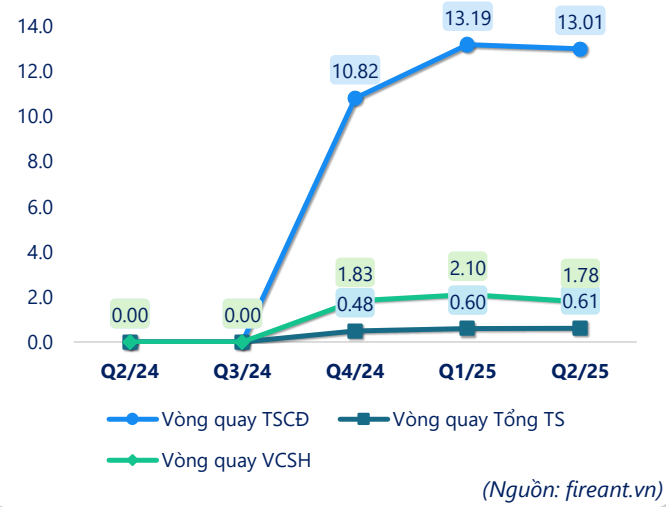
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,227**	**1,362**	**1,345**	**1,296**	**1,287**
Tài sản ngắn hạn	**828**	**973**	**907**	**870**	**909**
Tiền và tương đương tiền	81.0	236	200	95.2	84.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	245	264	296	415	507
Phải thu ngắn hạn	119	131	115	128	115
Hàng tồn kho	378	328	282	224	199
Tài sản ngắn hạn khác	4.62	14.4	13.9	7.83	3.66
Tài sản dài hạn	**399**	**389**	**438**	**426**	**378**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	56.8	56.5	57.9	57.6	60.2
Bất động sản đầu tư	209	239	235	233	212
Tài sản dở dang	49.7	49.7	49.8	50.5	50.6
Đầu tư tài chính dài hạn	50.0	40.0	90.0	80.0	53.0
Tài sản dài hạn khác	33.3	3.32	5.69	4.62	2.59
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**903**	**991**	**934**	**827**	**757**
Nợ ngắn hạn	**282**	**374**	**322**	**219**	**153**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	89.7	4.28	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	13.8	21.4	9.46	6.85	13.8
Nợ dài hạn	622	617	613	608	604
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**323**	**371**	**410**	**469**	**531**
Vốn chủ sở hữu	**323**	**371**	**410**	**469**	**531**
Vốn điều lệ	204	204	204	204	204
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)